

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đối với
thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý
của Sở Tài chính tỉnh Kon Tum**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính
phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5
năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên
quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng
8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên
quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính
phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục
hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính
phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng
4 năm 2018 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định về một số nội dung và biện pháp
thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ
tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Quyết định số 05/2022/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Kon Tum về ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin
giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Kon Tum;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 137/TTr-STC ngày 10
tháng 01 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục thành phần hồ sơ phải
số hóa đối với 25 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài
chính tỉnh Kon Tum (*Phụ lục chi tiết kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Căn cứ Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa được ban hành kèm theo Điều 1 của Quyết định này, Sở Tài chính chịu trách nhiệm:

1. Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cấu hình thành phần hồ sơ phải số hóa trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh làm cơ sở cho công chức, viên chức, nhân viên làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp thực hiện phân loại thành phần hồ sơ số hóa.

2. Thường xuyên rà soát, theo dõi các quy định của pháp luật chuyên ngành và thống kê Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa theo yêu cầu quản lý đối với thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh Danh mục được ban hành kèm theo Quyết định này cho phù hợp.

3. Chỉ đạo công chức, viên chức, nhân viên thực hiện số hóa, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định về một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

4. Thực hiện tái sử dụng thông tin, dữ liệu trong công tác giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện; thành phố; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + CVP, các PCVP UBND tỉnh (đ/b);
 - + Trung tâm PVHCC tỉnh (t/h);
- Viễn thông Kon Tum (p/h);
- Lưu: VT, TTHCC.VĐT.



CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Tuấn

Phụ lục
DANH MỤC THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HÓA ĐỐI VỚI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH TỈNH KON TUM
(Kèm theo Quyết định số 46 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố danh mục TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa
A	CẤP TỈNH			
I	LĨNH VỰC QUẢN LÝ GIÁ			
1	1.012735.H34	Hiệp thương giá	Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) Văn bản đề nghị hiệp thương giá thực hiện theo Mẫu số 01 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ013240)
2	1.012744.H34	Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 23/8/2024	1) 01 bản chính hồ sơ phương án giá và các tài liệu kèm theo (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ013241)
II	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN			
1	1.006221.000.00.00.H34	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp	Số 407/QĐ-UBND ngày 28/7/2021	1) Văn bản đề nghị giao quyền sở hữu hoặc giao quyền sử dụng tài sản của tổ chức chủ trì (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ2028) 2) Phương án nghiên cứu, phát triển công nghệ, sản phẩm công nghệ, ứng dụng, thực hiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu để tiếp tục phát huy, ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu theo quy định của pháp luật về khoa học công nghệ (sau đây gọi là

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố danh mục TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa
				phương án phát triển, thương mại hóa kết quả) theo Mẫu do Bộ Tài chính ban hành (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ2029) 3) Biên bản đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ của Hội đồng (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ2030) 4) Hợp đồng khoa học và công nghệ (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ2031) 5) Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ2032) 6) Các tài liệu có liên quan khác (nếu có) (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ2033)
2	1.006222.000.0 0.00.H34	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ	Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 28/7/2021	1) Văn bản đề nghị giao quyền sở hữu hoặc giao quyền sử dụng tài sản của tổ chức chủ trì (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ2015) 2) Phương án nghiên cứu, phát triển công nghệ, sản phẩm công nghệ, ứng dụng, thực hiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu để tiếp tục phát huy, ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu theo quy định của pháp luật về khoa học công nghệ (sau đây gọi là phương án phát triển, thương mại hóa kết quả) theo Mẫu do Bộ Tài chính ban hành (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ2016)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố danh mục TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa
				3) Biên bản đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ của Hội đồng (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ2017) 4) Hợp đồng khoa học và công nghệ (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ2018) 5) Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ2019) 6) Các tài liệu có liên quan khác (nếu có) (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ2020)
3	1.006218.000.0 0.00.H34	Xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước	Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 28/7/2021	1) Tờ trình đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ2843) 2) Bảng kê chủng loại, số lượng, khối lượng, giá trị, hiện trạng của tài sản (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ2844) 3) Hợp đồng tặng cho tài sản trong trường hợp chuyển giao dưới hình thức tặng cho và theo quy định của pháp luật phải lập thành hợp đồng (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ2845) 4) Các hồ sơ, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng của tài sản chuyển giao và hình thức chuyển giao (nếu có) (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ2846)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố danh mục TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa
4	1.006220.000.0 0.00.H34	Thanh toán phần giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên nhưng không xác định được chủ sở hữu	Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 28/7/2021	1) Văn bản đề nghị thanh toán phần giá trị tài sản được hưởng (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ2087)
5	1.006219.000.0 0.00.H34	Chi thưởng đối với tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên	Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 28/7/2021	1) Văn bản đề nghị chi thưởng (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ2130)
6	1.011769.H34	Giao tài sản kết cấu hạ tầng nước sạch cho doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng	Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 07/8/2023	1) Văn bản đề nghị được giao tài sản theo hình thức có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước (giải trình quá trình được giao hoặc tạm giao quản lý; thực trạng việc quản lý, sử dụng và lý do đề xuất giao theo hình thức có hoàn trả); với doanh nghiệp có vốn nhà nước có thêm ý kiến bằng văn bản của Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp về việc lựa chọn hình thức giao tài sản có hoàn trả giá trị) (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ012673) 2) Danh mục tài sản đề nghị được giao tài sản có hoàn trả (tên tài sản; địa chỉ; loại hình công trình; năm đưa vào sử dụng; diện tích; công suất, số hộ sử dụng nước theo thiết kế và thực tế; giá trị; tình trạng tài sản) (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ012674)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố danh mục TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa
				3) Biên bản kiểm tra hiện trạng quản lý tài sản; hồ sơ, tài liệu bàn giao, tạm bàn giao tài sản cho doanh nghiệp (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ012675) 4) Hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc đầu tư tăng thêm vào tài sản (như: văn bản, quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, quyết toán) (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ012676) 5) Báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong thời gian quản lý (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ012677) 6) Hồ sơ liên quan khác (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ012678)
7	3.000256.H34	Chuyển giao công trình điện là hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong các dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác do chủ đầu tư phải bàn giao lại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật	Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 07/3/2024	1) Văn bản của chủ đầu tư đề nghị chuyển giao công trình điện theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 02/2024/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ013040) 2) Các hồ sơ phục vụ quản lý, vận hành và bảo trì công trình theo quy định tại Phụ lục IX Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố danh mục TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa
				trình xây dựng (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ013036</i>) 3) Văn bản phê duyệt quyết toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ013037</i>) 4) Hồ sơ đất đai liên quan đến việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất gắn với công trình và các giấy tờ khác có liên quan (nếu có) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ013038</i>) 5) Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế, văn bản thẩm duyệt thiết kế, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền (nếu có); phương án chữa cháy, phương án phòng cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ013039</i>)
8	3.000257.H34	Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước	Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 07/3/2024	Hồ sơ đề nghị chuyển giao (do tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình điện lập), gồm: 1) Văn bản của tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình điện đề nghị chuyển giao quyền sở hữu công trình điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Mẫu số 01 Phụ lục

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố danh mục TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa
				đính kèm Nghị định số 02/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ013041</i>) 2) Quyết định đầu tư, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công liên quan đến công trình điện, biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, hạng mục công trình độc lập có liên quan đến công trình điện, Thông báo kết quả thẩm định dự án/công trình, Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định của pháp luật, báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ013042</i>) 3) Hồ sơ hoàn công, sơ đồ mặt bằng hành lang tuyến dây và mặt bằng trạm biến áp (nếu có) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ013043</i>) 4) Hồ sơ đất đai liên quan đến việc giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất để đầu tư công trình và các giấy tờ khác có liên quan (nếu có) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ013044</i>) 5) Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế, văn bản thẩm duyệt thiết kế, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền (nếu có); phương án chữa cháy, phương án phòng cháy theo quy định của pháp luật về phòng

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố danh mục TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa
				cháy và chữa cháy (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ013045</i>) Hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao sang tập đoàn Điện lực Việt Nam (<i>do đơn vị điện lực lập</i>), gồm: 1) Văn bản của Bên nhận đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ013046</i>) 2) Danh mục công trình điện do Bên nhận lập (thông số kỹ thuật, tình trạng công trình điện, năm đưa vào sử dụng, giá trị công trình điện (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ013047</i>)) 3) Biên bản kiểm kê, xác định giá trị công trình điện theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 02/2024/NĐ-CP (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ013048</i>) 4) Văn bản của tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình điện đề nghị chuyển giao quyền sở hữu công trình điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ013049</i>)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố danh mục TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa
9	3.000291.H34	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất	Quyết định số 617/QĐ-UBND ngày 22/10/2024	1) Văn bản của tổ chức quản lý, kinh doanh nhà địa phương kèm Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ013270</i>)
III	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP			
1	1.007623.000.0 0.00.H34	Cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc địa phương	Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 28/7/2021	1) Hồ sơ hỗ trợ kinh phí đóng bảo hiểm: Danh sách lao động là người dân tộc thiểu số, mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp có xác nhận của cơ quan bảo hiểm (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ0877</i>) 2) Thông báo về việc hỗ trợ kinh phí. (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ7722</i>)
2	1.010060.000.0 0.00.H34	Cấp tạm ứng kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị của địa phương	Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 28/7/2021	1) Công văn đề nghị tạm cấp kinh phí của tổ chức, đơn vị sử dụng lao động để thực hiện Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ010365</i>) 2) Thông báo của Sở Tài chính cho đơn vị về việc đã chuyển kinh phí hỗ trợ cho cơ quan bảo hiểm (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ010367</i>)
3	3.000214.H34	Xử lý miễn lãi các khoản lãi chậm nộp của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 26/5/2024	1) Văn bản đề nghị của doanh nghiệp về việc xem xét, miễn lãi chậm nộp (<i>bản chính</i>) theo Phụ lục V kèm theo Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố danh mục TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa
				Chính phủ (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ012305)
IV	LĨNH VỰC TIN HỌC - THỐNG KÊ			
1	2.002206.000.0 0.00.H34	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 28/7/2021	1) Tờ khai đăng ký mã số ĐVQHNS dùng cho đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước, đơn vị khác có quan hệ với ngân sách theo Mẫu số 01-MSNS-BTC kèm theo Thông tư số 185/2015/TT-BTC (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ5606) 2) Bảng thống kê đơn vị đề nghị cấp mã số ĐVQHNS (dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị dự toán) theo mẫu số 07-MSNS-BTC kèm theo Thông tư số 185/2015/TT-BTC được xác nhận thông tin bởi cơ quan chủ quản hoặc bản sao hợp lệ văn bản thành lập đơn vị. (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ5607) 3) Tờ khai đăng ký mã số ĐVQHNS dùng cho các dự án đầu tư ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư theo mẫu số 02-MSNS-BTC tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 185/2015/TT-BTC. (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ5610) 4) Tờ khai đăng ký mã số ĐVQHNS dùng cho các dự án đầu tư ở giai đoạn thực hiện dự án theo mẫu số 03-MSNS-BTC tại Phụ

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố danh mục TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa
				lục kèm theo Thông tư số 185/2015/TT-BTC (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ5612) 5) Thông báo chuyển giai đoạn dự án đầu tư theo mẫu số 04-MSNS-BTC tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 185/2015/TT-BTC (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ5614) 6) Thông báo thay đổi các chỉ tiêu đăng ký mã số ĐVQHNS như tên đơn vị, tên dự án, tên chủ đầu tư, địa chỉ đơn vị, địa chỉ chủ đầu tư, tên cơ quan chủ quản cấp trên theo Mẫu số 06-MSNS-BTC tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 185/2015/TT-BTC. (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ5616) 7) Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ sau đây: Quyết định đầu tư dự án; Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với các dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật; Các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có) (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ5615) 8) Mẫu Giấy chứng nhận mã số ĐVQHNS điện tử dùng cấp cho dự án đầu tư theo mẫu số 05B-MSNS-BTC tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính. (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ5605)
V	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG			

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố danh mục TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa
1	1.007623.000.0 0.00.H34	Thủ tục hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định tại Khoản 3 Điều 4, Khoản 3 Điều 5 Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt	Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 28/7/2021	1) Bảng kê dư nợ vay, lãi vay và chứng từ hoặc các giấy tờ tương đương có xác nhận của tổ chức tín dụng xác định chủ dự án có vay vốn tại tổ chức tín dụng, khoản nợ trong hạn và sử dụng vốn vay đúng mục đích để thực hiện dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ011582</i>) 2) Đơn đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt của chủ dự án có xác nhận của chính quyền địa phương nơi thực hiện dự án (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ011580</i>) 3) Bảng kê hoặc bảng tính số tiền lãi đề nghị được hỗ trợ. (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ011584</i>) 4) Bảng kê hoặc bảng tính số tiền lãi đề nghị được hỗ trợ. (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ011583</i>) 5) Văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền về dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định. (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ011581</i>)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố danh mục TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa
VI	LĨNH VỰC THUẾ			
1	3.000251.H34	Thủ tục xác định xe thuộc diện không chịu phí, được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp	Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	Trường hợp xe bị hủy hoại do tai nạn hoặc thiên tai; bị tịch thu hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe; bị tai nạn đến mức không thể tiếp tục lưu hành phải sửa chữa từ 30 ngày trở lên: 1) Giấy đề nghị trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ012715) 2) Bản chụp các giấy tờ chứng minh thời gian không được sử dụng phương tiện (như: Quyết định tịch thu hoặc thu hồi xe của cơ quan có thẩm quyền, văn bản thu hồi giấy đăng ký và biển số xe). (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ012716) 3) Bản chụp biên lai thu phí sử dụng đường bộ. Trường hợp bị mất biên lai thu phí, chủ phương tiện đề nghị đơn vị đăng kiểm nơi nộp phí cấp lại bản chụp biên lai thu phí. (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ012717) 4) Riêng đối với xe ô tô bị tai nạn đến mức không thể tiếp tục lưu hành phải sửa chữa từ 30 ngày trở lên thì ngoài các giấy tờ nêu trên, chủ phương tiện còn phải cung cấp Biên bản thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố danh mục TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa
				định theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP. (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ012718) Trường hợp xe ô tô đăng ký, đăng kiểm tại Việt Nam nhưng hoạt động tại nước ngoài liên tục từ 30 ngày trở lên: 1) Chủ phương tiện cung cấp giấy tờ chứng minh xe được xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định của pháp luật cho đơn vị đăng điểm khi đăng kiểm. (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ012719) Trường hợp xe ô tô bị mất trộm trong thời gian từ 30 ngày trở lên: 1) Chủ phương tiện phải xuất trình Đơn trình báo về việc mất tài sản có xác nhận của cơ quan công an. Trường hợp tìm thấy phương tiện thì chủ phương tiện phải cung cấp cho đơn vị đăng kiểm Biên bản bàn giao tài sản do cơ quan công an thu hồi giao cho chủ phương tiện (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ012720)
2	3.000252.H34	Thủ tục xác định xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên	Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	Tại Sở Giao thông vận tải: 1) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng ô tô (bản chụp). (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ012722)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố danh mục TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa
				2) Đơn xin tạm dừng lưu hành theo Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ012721) Tại đơn vị đăng kiểm: 1) Đơn xin tạm dừng lưu hành bản chính (có xác nhận của Sở Giao thông vận tải). (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ012723) 2) Biên bản tạm giữ phù hiệu, biển hiệu (đối với xe thuộc diện cấp phù hiệu, biển hiệu). (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ012724) 3) Biên lai thu phí sử dụng đường bộ (bản chụp). (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ012725)
3	3.000253.H34	Thủ tục đề nghị cấp/cấp lại Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ	Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	1) Đơn đề nghị cấp/cấp lại Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 13 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP. (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ012726) 2) Biên bản thu Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ (bản chính). (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ012727)
4	3.000254.H34	Thủ tục đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu	Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	1) Đơn đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu theo Mẫu số 09 tại Phụ lục II ban hành kèm

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố danh mục TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa
				theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP. (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ012728) 2) Quyết định về việc bù trừ phí sử dụng đường bộ hoặc Biên lai thu phí trong trường hợp chưa nộp phí cho thời gian dừng lưu hành (nộp bản chụp và mang bản chính để đối chiếu). (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ012729)
5	3.000255.H34	Thủ tục xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ	Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	Tại Sở Giao thông vận tải: 1) Bản chụp giấy đăng ký xe (của từng xe xin xác nhận). (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ012732) 2) Đơn xin xác nhận xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ theo Mẫu số 10 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 90/2023/NĐ-CP. (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ012730) 3) Bản chụp giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động. (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ012731) Tại đơn vị đăng kiểm: 1) Đơn xin xác nhận ô tô không tham gia giao thông (có xác nhận của Sở Giao thông vận tải) cho đơn vị đăng kiểm, nơi doanh

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố danh mục TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa
				ngiệp đưa xe đến kiểm định. (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ012733)
B	CHUNG 2 CẤP (CẤP TỈNH VÀ CẤP HUYỆN)			
I	LĨNH VỰC THUẾ			
1	1.013040.H34	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 19/12/2024	1) Tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 153/2024/NĐ-CP. (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ013281)
C	CẤP HUYỆN			
I	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH ĐẤT ĐAI			
1	1.012994.H34	Thủ tục khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư		1) Văn bản của người thực hiện dự án đề nghị được khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ013271) 2) Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ013272) 3) Chứng từ chuyển tiền của người thực hiện dự án cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ013273)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố danh mục TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa
				4) Bảng kê thanh toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập; trong đó có các nội dung về số tiền đã chi trả, sổ chứng từ chi trả, ngày, tháng chi tiền, người nhận tiền (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ013274</i>)
2	1.012995.H34	Thủ tục ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư		1) Đơn đề nghị ghi nợ tiền sử dụng đất (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ013275</i>) 2) Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được ghi nợ tiền sử dụng đất (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ013276</i>); 3) Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận: Quyết định giao đất tái định cư, phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ013277</i>) <i>Các bản sao là bản sao được chứng thực bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.</i>
3	1.012996.H34	Thủ tục thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ		1) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản gốc) (<i>Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ013279</i>) 2) Chứng từ nộp tiền sử dụng đất (bản gốc) hoặc Thông báo về việc xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính về thu tiền sử dụng

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định công bố danh mục TTHC	Thành phần hồ sơ phải số hóa
				đất (01 bản gốc) (Mã TPHS: 000.00.00.G12-KQ013278).

Tổng số: *Danh mục có 25 TTHC, gồm 88 thành phần hồ sơ phải số hóa.*